| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 435/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2018
V/v tranh chấp về ly hôn giữa chị T và anh V.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C,TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy.

2. Ông Lý Khắc Chung.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 169/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đoàn Thị Bé T, sinh năm 1977, địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp Khánh Châu, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1973, địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp Khánh Châu, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình hòa giải nguyên đơn chị Đoàn Thị Bé T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh V kết hôn vào năm 1991, vợ chồng chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, do đó chị và anh V ly thân từ năm 2011 đến nay.

Cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn chung sống lâu dài với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thúy Kiều, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1992, Nguyễn Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1994 và Nguyễn Văn Nhớ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1997, hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn V, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý vụ án Thẩm phán tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự không đảm bảo thời hạn theo quy định là vi phạm tố tụng, nhưng xét thấy vi phạm này không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vợ chồng chị T và anh V kết hôn năm 1991, vợ chồng anh chị nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh chị ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh V nhiều lần để hòa giải, xét xử nhưng anh V vẫn vắng mặt xem như anh V đã từ bỏ quyền của mình, anh chị kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng, do đó, việc chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở, do chị T và anh V không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thúy Kiều, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1992, Nguyễn Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1994 và Nguyễn Văn Nhớ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1997, hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị đương sự chịu án phí theo quy định.

Kiến nghị: Thẩm phán giải quyết vụ án cố gắng khắc phục thiếu sót nêu trên để quá trình giải quyết vụ án được tốt hơn, đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử nhắc nhở bị đơn chấp hành đúng pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy khai sinh (Bản sao) của Kiều, Nhung, Nhớ; Giấy chứng minh nhân dân chị T (photo); Sổ hộ khẩu gia đình (photo).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn chị Đoàn Thị Bé T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn vào năm 1991, vợ chồng chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng anh chị ly thân đã lâu. Nay chị T cho rằng tình cảm không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Xét, quan hệ hôn nhân của chị T và anh V, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú, tình trạng hôn nhân của anh chị thì được chính quyền địa phương xác nhận anh V có đi làm ăn ở xa, có về thăm nhà, còn về mâu thuẫn gia đình thì địa phương không biết. Chị T và anh V chung sống một thời gian dài nhưng không đăng ký kết hôn là không phù hợp quy định pháp luật tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân hơn 07 năm nên chị T yêu cầu ly hôn với anh V là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn

nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh V như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thúy Kiều, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1992, Nguyễn Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1994 và Nguyễn Văn Nhớ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1997, hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đoàn Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0002237 ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đoàn Thị Bé T với anh Nguyễn Văn V.

2. Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thúy Kiều, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1992, Nguyễn Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1994 và Nguyễn Văn Nhớ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1997, hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0002237 ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã K;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tiền Trần Thị Kim Bình** **Lê Thị Hồng Thi**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
**TÒA**
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đào Hữu Cảnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Lê Thị Hồng Thi**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tiền  Trần Thị Kim Bình  Lê Thị Hồng Thi**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**NAM**
**HUYỆN C**
TỈNH AN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*C, ngày 26 tháng 01 năm 2015*

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về "T/c về ly hôn", giữa:
1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn
Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: "tranh chấp về ly hôn": Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình | Huỳnh Công Tấn | Ngô Ngọc Phỉ